TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 05/6/2018.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn, nuôi con"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Trí.

Ông Tôn Phước Thuận.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1996; (có mặt).

Cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chánh T, sinh năm 1989; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T cưới nhau vào năm 2013, hôn nhân do quen biết tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn, lý do ông T chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng không còn sống chung hơn 01 năm nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống chung không tìm thấy hạnh phúc nên

vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Chánh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2014. Hiện nay, cháu Y đang do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Chánh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà H và ông T kết hôn năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, bà H cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông T không quan tâm đến vợ con và khi ông T biết chị H khởi kiện ly hôn ông T không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Vì vậy, việc bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu Y đang sống với bà H vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nghĩ nên để bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ý và do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà H khởi kiện ông T, ông T có nơi cư trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 30 tháng 12 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà H xác định, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn, lý do ông T chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng không còn sống chung hơn 01 năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống chung không tìm thấy hạnh phúc nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Xét thấy, bà H và ông T không còn sống chung hơn 01 năm nay nên vợ chồng không thể thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan tâm lẫn nhau. Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo triệu tập ông để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn không có mặt và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án. Từ đó, thấy rằng ông không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng, bỏ mặc bà H muốn làm gì thì làm đủ để thấy giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp.

[2]. Về con chung: Bà H xác định vợ cH có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay, cháu Y đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, ông T cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà H là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà H xác định không có, nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung: Bà H xác định không có, nên không đề cập đến.

Ghi nhận bà H xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 228, 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với ông Nguyễn Chánh T.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Chánh T.

Về con chung: Bà Lê Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2014. Hiện nay, cháu Y đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0019063 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Về quyền kháng cáo:

Bà H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày Th từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Mỹ An;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong